

Bản án số: 152/2020/DS-PT

Ngày: 23- 12- 2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST, ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 174/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt: Cty TNHH MTV) Vạn Hưng Đ. Nay là Công ty TNHH THE S (viết tắt: THE S).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1984 – Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp 22, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2020) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2.2. Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Ngọc N2, sinh năm 1989 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 22, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N3: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/08/2020) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Ngọc N2 là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2019 của nguyên đơn Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S và tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Kim Điền P trình bày:*

Năm 2016, công ty TNHH Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S có bán vật tư nông nghiệp gồm phân, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N, việc mua bán có lập sổ theo dõi. Đến ngày 20/6/2017, giữa Công ty và vợ chồng ông B tính sổ, ông B và bà N thừa nhận còn nợ công ty 301.723.000 đồng. Khi xác nhận nợ, hai bên có lập biên nhận ông B và bà N ký tên và cam kết ngày 30/8/2017 sẽ hoàn trả số tiền trên nhưng khi đến hạn, vợ chồng ông B không thực hiện việc trả nợ. Tại đơn khởi kiện Công ty TNHH Vạn Hưng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà N liên đới hoàn trả tiền còn nợ là 281.723.000 đồng (đã trừ số tiền 20.000.000 đồng đã trả ngày 17/5/2018) và lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 143.950.053 đồng (lãi của 301.723.000 đồng tính đến ngày 17/5/2018 là 55.094.619 đồng và lãi của 281.723.000 đồng tính từ ngày 17/5/2018 đến ngày khởi kiện là 88.855.434 đồng). Tổng vốn và lãi là 425.673.053 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn thống nhất chứng cứ bị đơn cung cấp là “*Một tờ giấy tập học sinh thể hiện nội dung chốt nợ, không tiêu đề, được ghi bằng mực bút bi màu xanh, nội dung: “lãi 2% 20.06.17 Chú Út 23...”*”. Và đồng ý tiền vốn bị đơn còn nợ tổng là 166.448.000 đồng. Đồng ý thừa nhận vào ngày 20/6/2017 ông T có nhận tiền lãi 30.000.000 đồng từ bị đơn và ngày 17/5/2018 ông T có nhận tiền lãi 20.000.000 đồng từ bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn nợ 166.448.000 đồng. Yêu cầu tính lãi cụ thể:

- Số tiền vốn 14.765.000 đồng tính lãi từ ngày 01/6/2012 đến ngày 20/6/2017 (60 tháng 19 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 11.190.639 đồng;

- Số tiền vốn 69.726.000 đồng tính lãi từ ngày 30/4/2012 đến ngày 20/6/2017 (61 tháng 20 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 53.746.075 đồng;
- Số tiền vốn 10.860.000 đồng tính lãi từ ngày 17/9/2012 đến ngày 20/6/2017 (57 tháng 25 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 7.859.925 đồng;
- Số tiền vốn 3.000.000 đồng tính lãi từ ngày 29/11/2012 đến ngày 20/6/2017 (54 tháng 20 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 2.050.000 đồng;
- Số tiền vốn 14.000.000 đồng tính lãi từ ngày 15/5/2013 đến ngày 20/6/2017 (49 tháng 5 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 8.604.000 đồng;
- Số tiền vốn 21.000.000 đồng tính lãi từ ngày 08/9/2013 đến ngày 20/6/2017 (45 tháng 12 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 11.917.500 đồng;
- Số tiền vốn 14.488.000 đồng tính lãi từ ngày 24/4/2014 đến ngày 20/6/2017 (37 tháng 26 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 6.856.700 đồng;
- Số tiền vốn 5.359.000 đồng tính lãi từ ngày 18/5/2016 đến ngày 20/6/2017 (13 tháng 2 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 874.837 đồng;
- Số tiền vốn 3.100.000 đồng tính lãi từ ngày 28/12/2016 đến ngày 20/6/2017 (5 tháng 02 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 195.750 đồng;
- Số tiền vốn 10.150.000 đồng tính lãi từ ngày 28/4/2017 đến ngày 20/6/2017 (01 tháng 28 ngày), lãi 1,125%/tháng, tiền lãi là 336.490 đồng;
- Số tiền vốn 166.448.000 đồng tính lãi từ ngày 21/6/2017 đến ngày Tòa án xét xử (38 tháng), lãi 1,66%/tháng, tiền lãi là 104.995.398 đồng.

Tổng các khoản lãi là 208.627.028 đồng, đồng ý trừ đi số tiền lãi bị đơn đã trả 50.000.000 đồng, bị đơn còn nợ lãi 158.627.028 đồng. Yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi tổng cộng 325.075.028 đồng (trong đó vốn 166.448.000 đồng, lãi 158.627.028 đồng).

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N là bà Phạm Ngọc N2 trình bày:*

Bị đơn không đồng ý toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH MTV Vạn Hưng Đ do không giao dịch mua bán với công ty Vạn Hưng Đ. Vợ chồng ông B, bà N có mua nợ vật tư nông nghiệp của bà Nguyễn Thị N3 mẹ ruột ông T – Giám đốc công ty Vạn Hưng Đ, mua bán từ năm 2012 đến năm 2017. Ngày 20/6/2017 ông Võ Quốc T thay mặt bà N3 trực tiếp xuống nhà ông B, bà N để chốt nợ vốn 166.448.000 đồng, trong ngày này bị đơn có trả vốn 30.000.000 đồng cho bà N3 do ông T nhận tiền trực tiếp. Sau khi nhận tiền ông T kê lãi thêm, tổng gốc và lãi là 301.723.000 đồng. Trước giờ làm ăn không thỏa thuận lãi suất. Nhưng khi chốt nợ ông T kê lãi nên bị đơn không đồng ý. Sau khi chốt nợ xong, ông T yêu cầu ông B, bà N ký nhận nợ số tiền 166.448.000 đồng, tiền nợ và lãi ông T tự ghi. Do sơ ý không coi kỹ nên bị đơn ông B, bà N ký giấy nợ của ông T số tiền 301.723.000 đồng, giấy do ông T đưa ký không có nội dung, sau khi ký do ông T tự ghi thêm. Thật sự bị đơn không có nợ tiền của công ty Vạn Hưng Đ. Đến ngày 17/5/2018 ông B, bà N trả thêm cho bà N3

20.000.000 đồng, ông T nhận trực tiếp. Tính đến nay đã trả được vốn 50.000.000 đồng cho bà N3. Hiện nay chỉ còn nợ bà N3 số tiền 116.448.000 đồng và đồng ý trả cho bà N3 số tiền này nếu bà N3 khởi kiện. Riêng công ty Vạn Hưng Đ yêu cầu bị đơn trả nợ là bị đơn không đồng ý toàn bộ do không có nợ của công ty Vạn Hưng Đ, yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N3 là ông Kim Điền P trình bày:*

Bà là mẹ ruột của ông Võ Quốc T – Giám đốc công ty Vạn Hưng Đ, thời gian không nhớ bà có thay mặt công ty bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông B, bà N. Tuy là người trực tiếp giao dịch nhưng hàng hóa đều là của công ty, bà chỉ thay công ty giao dịch mua bán với ông B, bà N, hiện ông B, bà N còn nợ của công ty Vạn Hưng Đ tiền mua vật tư nông nghiệp chưa thanh toán. Số nợ của ông B, bà N là nợ của công ty Vạn Hưng Đ, không phải nợ của bà.

** Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S về việc đòi bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ.

Buộc bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ số tiền còn nợ tổng cộng 314.956.730 đồng (ba trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi đồng), trong đó vốn 166.448.000 đồng và lãi 148.508.730 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

** Ngày 15 tháng 9 năm 2020, bà Phạm Ngọc N2 là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST, ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của Công ty TNHH Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S về việc yêu cầu ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả*

số tiền nợ tổng cộng 314.956.730 đồng. Trong đó tiền vốn là 166.448.000 đồng và lãi là 148.508.730 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P không rút đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Phạm Ngọc N2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đã nêu trong đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 23/2020/DS-ST, ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Phạm Ngọc N2 là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH MTV Vạn Hưng Đ (gọi tắt là công ty Vạn Hưng Đ) nay là Công ty TNHH THE S và các bị đơn ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Phạm Ngọc N2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Phạm Ngọc N2 yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S về việc yêu cầu ông B và bà N liên đới trả nợ tổng cộng là 314.956.730 đồng. Xét thấy:

[1.1] Theo đơn yêu cầu (về việc Ra quyết định đối chất với ông Võ Quốc T) và đơn yêu cầu (về việc Ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết của ông Võ Quốc T) đề cùng ngày 30/11/2020 của bà Phạm Ngọc N2 là người đại diện

theo ủy quyền của các bị đơn. Xét thấy, ngày 20/6/2017 ông T đại diện Công ty trực tiếp xuống nhà vợ chồng ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N thỏa thuận nợ với nội dung “ông B và bà N thừa nhận còn nợ số tiền 301.723.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng và vợ chồng ông bà đồng ý trả đủ số tiền trên cho ông Võ Quốc T vào ngày 30/8/2017 và bút lục số 25 do bị đơn cung cấp và phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận chứng cứ bị đơn cung cấp là “*Một tờ giấy tập học sinh thể hiện nội dung chốt nợ, không tiêu đề, được ghi bằng mực bút bi màu xanh, nội dung: “lãi 2% 20.06.17 Chú B 23...”*”. Và đồng ý tiền vốn bị đơn còn nợ tổng là 166.448.000 đồng. Đồng ý thừa nhận vào ngày 20/6/2017 ông T có nhận tiền lãi 30.000.000 đồng từ bị đơn và ngày 17/5/2018 ông T có nhận tiền lãi 20.000.000 đồng từ bị đơn. Do đó, cũng đủ căn cứ xác định các bị đơn thừa nhận nợ vốn mua bán thức ăn là 166.448.000 đồng, nên việc người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn yêu cầu trên là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[1.2] Ông Võ Quốc T đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/03/2012, lần thứ 4 ngày 21/03/2014 chuyển đổi từ loại hình Doanh nghiệp tư nhân ATM T thành Công ty TNHH Vạn Hưng Đ và lần thứ: 6, ngày 18/12/2020 chuyển đổi từ Công ty TNHH Vạn Hưng Đ thành Công ty TNHH THE S, ông T là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, nên ông T có quyền quyết định đối với việc mua bán với ông B và bà N, còn việc bà Nguyễn Thị N3 là mẹ ông T có trực tiếp mua bán với ông B và bà N thì cũng là người phụ giúp cho ông T và phía bà N3 trình bày bà thay công ty Vạn Hưng Đ để giao dịch với ông B, bà N, việc ông B, bà N nợ là nợ của công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S, không phải nợ của bà. Do đó, ông T là người đứng ra khởi kiện ông B và bà N là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, tại Biên nhận nợ ngày 20/6/2017 bị đơn ông B, bà N có thỏa thuận ngày 30/8/2017 sẽ trả nợ cho nguyên đơn và đến ngày 17/5/2018 thì các bị đơn có trả cho ông T thêm 20.000.000 đồng. Do các bị đơn không tiếp tục trả nợ, nên đến ngày 17/12/2019 nguyên đơn công ty Vạn Hưng Đ có đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn trả nợ và tính từ ngày thỏa thuận 30/8/2017 đến ngày khởi kiện 17/12/2019 là 02 năm 03 tháng 17 ngày. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn về áp dụng thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích nêu trên thì trong vụ án này nguyên đơn công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S do ông T là người đại diện theo pháp luật khởi kiện là đúng, vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện và cũng không cần “Ra quyết định đối chất với ông Võ Quốc T” và “Ra quyết định trưng cầu giám

định chữ viết của ông Võ Quốc T” theo đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S yêu cầu bị đơn ông B, bà N trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ số tiền vốn 166.448.000 đồng và tiền lãi 158.627.028 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thừa nhận bị đơn ông B, bà N có nợ của công ty Vạn Hưng Đ số tiền như nguyên đơn yêu cầu với lý do chỉ giao dịch mua bán trực tiếp với bà Nguyễn Thị N3 thuộc Đại lý H, không có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của công ty Vạn Hưng Đ, nên bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Vạn Hưng Đ.

[3.1] Xét chứng cứ đương sự cung cấp thì thấy, nguyên đơn cung cấp bản chính Biên nhận nợ ngày 20/6/2017 có nội dung: ông B, bà N có ký nhận nợ với công ty Vạn Hưng Đ số tiền 301.723.000 đồng với lãi suất 2%/tháng và đồng ý trả số tiền trên cho ông Võ Quốc T vào ngày 30/8/2017, cuối biên nhận ông B, bà N có ký và ghi rõ họ tên. Biên nhận nguyên đơn cung cấp được người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N2 thừa nhận là chữ ký của ông B và bà N, tuy nhiên đại diện bị đơn lập luận, do sơ ý nên ông B, bà N đã đồng ý ký vào biên nhận nợ cho ông T, vào thời điểm ký biên nhận không ghi đầy đủ nội dung. Xét thấy lập luận của người đại diện cho các bị đơn là chưa đủ cơ sở, nên cấp sơ thẩm xác định ngày 20/6/2017 giữa bị đơn ông B, bà N và nguyên đơn công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S do ông T làm Giám đốc đã chốt nợ tại Biên nhận nợ ngày 20/6/2017 là sự thật.

[3.2] Chứng cứ bị đơn cung cấp là 01 tờ giấy tập học sinh, không tiêu đề, không chữ ký nhưng có nội dung thể hiện vào ngày 20/6/2017 hai bên có chốt nợ vốn 166.448.000 đồng (gồm 10 khoản nợ từ ngày 01/6/2012 đến ngày 28/4/2017), tiền lãi 165.275.000 đồng, lãi gởi 30.000.000 đồng, tổng còn nợ 301.723.000 đồng x 2%. Đại diện nguyên đơn đồng ý chứng cứ bị đơn cung cấp và yêu cầu tính lãi đối với từng khoản nợ theo đúng chứng cứ bị đơn cung cấp. Trong khi đại diện bị đơn trình bày tờ giấy này là do ông T viết toàn bộ, bị đơn cung cấp mục đích chỉ để chứng minh bị đơn có mua vật tư nông nghiệp của bà N3 từ năm 2012, không phải mua của công ty Vạn Hưng Đ năm 2016 như đơn kiện công ty đã nêu, ngoài ra chứng minh ông B, bà N còn nợ bà N3 tiền vốn 166.448.000 đồng và đã trả vốn cho bà N3 30.000.000 đồng giao ông T nhận trực tiếp, còn tiền lãi thì ông T tự ghi thêm vô nên bị đơn không đồng ý. Xét lập luận của người đại diện cho các bị đơn như trên là chưa có sức thuyết phục và không có cơ sở, vì theo chứng cứ bị đơn cung cấp đã thể hiện ngày 20/6/2017 bị đơn có chốt nợ với ông T, tổng nợ vốn là 166.448.000 đồng, nợ lãi 165.275.000 đồng, đã gửi lãi 30.000.000 đồng, còn nợ lại 301.723.000 đồng. Tổng số tiền chốt nợ 301.723.000 đồng là trùng khớp số tiền ông B, bà N đã chốt nợ với công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S và đã ký tên vào Biên nhận nợ ngày 20/6/2017 do nguyên đơn cung cấp.

[3.3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định bị đơn ông B, bà N nợ công ty Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S số tiền mua phân bón, thuốc

bảo vệ thực vật từ năm 2012 đến năm 2017 tổng số tiền hai bên chốt nợ ngày 20/6/2017 tiền vốn là 166.448.000 đồng là sự thật, và nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là có căn cứ, nên cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên vốn gốc còn nợ theo từng khoản căn cứ theo chứng cứ bị đơn cung cấp đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 1,125% và lãi suất 1,66%. Tổng các khoản lãi là 208.627.028 đồng. **Xét thấy:**

[3.4.1] Theo thông lệ thì kể từ ngày bên bán vật tư nông nghiệp cho bên mua thì bên mua trả tiền, nếu còn thiếu thì đến hết vụ thu hoạch mới trả tiền đủ một lần và tại xã T thì từ năm 2012 đến năm 2017 hàng năm chỉ làm có hai vụ lúa và thu hoạch vụ thứ nhất khoảng tháng 6 và vụ thu hoạch thứ hai khoảng tháng 12 hàng năm, nên phía ông B và bà N vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty kể từ các vụ thu hoạch lúa xong, nên cấp sơ thẩm tính lãi đối với các bị đơn từ ngày mua vật tư là không phù hợp, mà tính lãi kể từ ngày vi phạm.

[3.4.2] Đối với lãi suất, cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày vi phạm đến ngày chốt nợ là ngày 20/6/2017 theo lãi suất 1,125%/tháng chưa phù hợp, vì khi mua bán thì không có thỏa thuận lãi và khi tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 hoặc theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần điều chỉnh thời gian và mức lãi cụ thể như sau:

- Số tiền vốn 84.491.000 đồng mua các ngày (30/4/2012 và ngày 01/6/2012) tính lãi từ ngày 01/6/2012 đến ngày 20/6/2017 (60 tháng 19 ngày), lãi 0,75%/tháng, tiền lãi là 38.422.238 đồng;

- Số tiền vốn 13.860.000 đồng mua các ngày (17/9/2012 và ngày 29/11/2012) tính lãi từ ngày 29/12/2012 đến ngày 20/6/2017 (53 tháng 21 ngày), lãi 0,75%/tháng, tiền lãi là 5.582.115 đồng;

- Số tiền vốn 35.000.000 đồng mua các ngày (15/5/2013 và ngày 08/9/2013) tính lãi từ ngày 08/12/2013 đến ngày 20/6/2017 (42 tháng 12 ngày), lãi 0,75%/tháng, tiền lãi là 11.033.750 đồng;

- Số tiền vốn 14.488.000 đồng mua (ngày 24/4/2014) tính lãi từ ngày 24/6/2014 đến ngày 20/6/2017 (35 tháng 26 ngày), lãi 0,75%/tháng, tiền lãi là 3.897.212 đồng;

- Số tiền vốn 5.359.000 đồng mua ngày (18/5) tính lãi từ ngày 18/6/2016 đến ngày 20/6/2017 (12 tháng 02 ngày), lãi 0,75%/tháng, tiền lãi là 491.451 đồng;

- Số tiền vốn 13.250.000 đồng mua các ngày (18/12/2016 và ngày 28/4/2017) đến ngày 20/6/2017 thì các bên thỏa thuận nợ, nên không tính lãi từ ngày 20/6/2017 trở về trước.

Tổng cộng vốn và lãi [vốn 166.448.000 đồng và lãi (38.422.238đ + 5.582.115đ + 11.033.750đ + 3.897.212đ + 491.451đ = 59.426.766)] là 225.874.776 đồng – 30.000.000 đồng (đã trả lãi ngày 20/6/2017)= 195.874.776 đồng (vốn 166.448.000đ và 29.426.776đ).

- Số tiền vốn 166.448.000 đồng tính lãi từ ngày 21/6/2017 đến ngày 17/5/2018 (27 tháng 14 ngày), lãi 1,66%/tháng, tiền lãi là 75.891.389 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi (195.874.776 đ + 75.891.389đ) = 271.766.165 đồng, khấu trừ 20.000.000 đồng (đã trả lãi ngày 17/5/2018)= 251.766.165 đồng (vốn 166.448.000đ và 85.318.165đ).

- Số tiền vốn 166.448.000 đồng tính lãi từ ngày 17/5/2018 đến ngày Tòa án xét xử (10 tháng 27 ngày), lãi 1,66%/tháng, tiền lãi là 30.117.092 đồng.

Tổng cộng vốn lãi 281.883.257 đồng các bị đơn ông B, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn (vốn 166.448.000đ và lãi 115.435.257đ).

[3.4.3] Như nhận định trên thì đại diện nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi vượt quy định, nên nguyên đơn bị bác yêu cầu về phần lãi chênh lệch là 33.073.455 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn; căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm về những nội dung đã phân tích nêu trên.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ như nhận định trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn.

Sửa bản án sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, như sau: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S về việc yêu cầu các bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ.

Buộc bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S số tiền còn nợ tổng cộng 281.883.257 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng), trong đó vốn 166.448.000 đồng và lãi 115.435.257 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S yêu cầu các bị đơn ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N liên đới trả phần lãi chênh lệch là 33.073.455 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi năm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới phải nộp tiền án phí sơ thẩm số tiền 14.094.162 đồng (Mười bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng).

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S phải chịu án phí là 1.653.672 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.513.000 đồng (Mười triệu năm trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009914 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ nay là Công ty TNHH THE S tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.859.328 đồng (Tám triệu tám trăm năm mươi chín nghìn ba trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0009914 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N không phải chịu, hoàn trả cho ông Đỗ Văn B và bà Trần Thị Mỹ N do bà

Phạm Ngọc N2 nộp thay số tiền tạm ứng đã nộp của mỗi người là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0003259 (ông B) và 0003258 (bà N) cùng ngày 21/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện T (01);
- Chi cục THADS huyện T (01);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng